

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 363/QLCDA-QLDA ngày 08/5/2023 của Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đề nghị phê duyệt cấp giấy phép môi trường của Dự án “Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên)”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 142/TTr-STNMT ngày 30/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ tại số 35 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án: “Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên)” tại Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 61, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Đầu tư xây dựng Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên).

1.2. Địa điểm hoạt động: tại Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 61, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định thành lập ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo số 2969/QĐ-BGDĐT ngày 24/8/2016.

1.4. Quyết định về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (định hướng phát triển thành Trường Đại học Y Dược Tây Nguyên) số 1856/QĐ-BGDĐT ngày 01/07/2022.

1.5. Mã số thuế: 6000236006.

1.6. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng công trình trường học.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Quy mô đào tạo: 4.000 sinh viên chính quy và 800 học viên tại chức.

- Quy mô diện tích của Dự án là 123.184,7 m², bao gồm:

+ Giai đoạn 1: “Đầu tư xây dựng Giảng đường Khoa Y Dược (giai đoạn I) và các công trình phụ trợ - Trường Đại học Tây Nguyên” tổng diện tích là 5.358,6 m², gồm: 02 khu nhà giảng đường diện tích là 1.843 m²; công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ (sân nội bộ, hoa viên, thảm cỏ...) diện tích là 3.515,6 m².

Dự án “Đầu tư xây dựng Giảng đường Khoa Y Dược (giai đoạn I) và các công trình phụ trợ - Trường Đại học Tây Nguyên” được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường số 62/GP-UBND ngày 21/12/2022.

+ Giai đoạn 2: “Đầu tư xây dựng Khoa Y Dược - Trường Đại học Tây Nguyên (Định hướng phát triển thành trường Đại học Y Dược Tây Nguyên)” tổng diện tích là 117.826,1 m², gồm: Nhà điều hành, hiệu bộ, hành chính diện tích là 1.250 m²; nhà hội trường, trung tâm hội thảo diện tích là 2.200 m²; trung tâm thông tin, thư viện diện tích là 1.217 m²; nhà học, thí nghiệm khoa ngành diện tích là 4.469 m²; giảng đường (đơn nguyên còn lại) diện tích là 552 m²; nhà thực hành thực nghiệm diện tích là 1.620 m²; nhà luyện tập thể chất diện tích là 1.572 m²; sân thể thao diện tích là 3.392 m²; vườn thuốc diện tích là 800 m², đất dự trữ phát triển diện tích là 8.067 m², công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình phụ trợ (sân nội bộ, hoa viên, thảm cỏ ...) diện tích là 92.687,1 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và đào tạo

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và đào tạo có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Có biện pháp quản lý chất thải phát sinh từ Dự án, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy phép môi trường số 62/GP-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột;
- BQL các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Đ/c: Số 35 Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội);
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, NNMT (H. 07B)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Cảnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải.

- Nguồn thải 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của sinh viên và cán bộ, công nhân viên tại Dự án phát sinh với lưu lượng khoảng 154,65 m³/ngày.
- Nguồn thải 02: Nước thải từ khu thí nghiệm phát sinh với lưu lượng khoảng 15 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

01 dòng nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 240 m³/ngày.đêm) xả vào nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột trên tuyến đường quy hoạch (nhánh 16) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Hồ ga thu nước mưa trên tuyến đường quy hoạch (nhánh 16) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 1080 30', múi chiều 3⁰): X = 0455771; Y = 1407189.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 169,65 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tại Hệ thống xử lý nước thải tập trung được bơm vào đường ống nhựa PVC D200 mm (chiều dài 50 m, đặt ngầm trong khuôn viên Khoa Y Dược) → Hồ ga thu nước mưa (kích thước 650mm x 600mm x 1520mm) trên tuyến đường quy hoạch (nhánh 16) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải: Bơm, tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.2. Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD5 (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	3.000		

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện quan trắc nước thải định kỳ đối với các chất ô nhiễm nêu tại Bảng trên để tự theo dõi, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ nguồn số 01 được thu gom bằng các đường ống PVC D168 mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó theo đường ống PVC D168 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02 được theo các đường ống PVC D114 mm dẫn về ngăn thứ 3 (ngăn lọc) của bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống PVC D200 mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại 3 ngăn (xử lý sơ bộ nước thải)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (từ nguồn số 01) → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc (thu gom chung với nước thải từ nguồn số 02) → Thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Số lượng: 18 bể (Thể tích mỗi bể là $51,68 \text{ m}^3$; kích thước $6,5\text{m} \times 3,0\text{m} \times 2,65\text{m}$). Bể tự hoại được xây dựng bằng bê tông, thành bể và đáy bể được chống thấm theo quy định.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (đã qua xử lý sơ bộ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Cụm bể xử lý sinh học AO-MBR (Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn MBR → Ngăn khử trùng) → Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A → Hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Kích thước các bể xử lý: Bể thu gom (thể tích 36 m^3 ; kích thước $6\text{m} \times 2\text{m} \times 3\text{m}$); Bể điều hòa (thể tích 63 m^3 ; kích thước $6\text{m} \times 3,5\text{m} \times 3\text{m}$); Cụm bể xử lý sinh học AO-MBR (thể tích $78,78 \text{ m}^3$; kích thước $10,1\text{m} \times 3\text{m} \times 2,6\text{m}$). Các bể của hệ thống xử lý nước thải được xây dựng bằng bê tông, chống thấm theo quy định.

- Công suất thiết kế: $240 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Javel, dinh dưỡng (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Bố trí đầy đủ thiết bị dự phòng, đảm bảo sẵn sàng thay thế ngay khi xảy ra sự cố về thiết bị của hệ thống để đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục. Trường hợp nước thải sau xử lý không đảm bảo tiêu chuẩn quy định, tạm ngưng hoạt động sản xuất tại Dự án để tiến hành kiểm tra và khắc phục ngay sự cố của hệ thống. Dự án chỉ được đi vào vận hành lại sau khi đã khắc phục xong sự cố và hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định trở lại.

- Thường xuyên bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của hệ thống, theo dõi tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý; lập quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Bố trí nhân viên chuyên trách theo dõi, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình đã ban hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung tại Dự án (công suất 240 m³/ngày.đêm).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Vị trí lấy mẫu đầu vào: 01 vị trí tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vị trí lấy mẫu đầu ra: 01 vị trí sau ngăn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung (trước khi thoát ra hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này):

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban quản lý các dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.2 phần A của phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: Việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải của Dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước mưa của thành phố Buôn Ma Thuột.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Thực hiện đấu nối hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải của Dự án theo đúng yêu cầu tại Công văn số 5188/UBND-QLĐT ngày 07/12/2020 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột về việc thỏa thuận đấu nối hệ thống thoát nước Khoa Y dược – Trường Đại học Tây nguyên.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin về quá trình vận hành công trình xử lý nước thải tại Dự án.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.5. Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải chưa được xử lý đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo quy định vào nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các máy bơm tại trạm bơm nước của Dự án, bao gồm: cụm máy bơm phục vụ hoạt động phòng cháy chữa cháy (01 máy bơm điện chính và 01 máy bơm Diesel) và 01 máy bơm nước cấp.

Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các thiết bị, máy móc (máy bơm, máy thổi khí...) tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: Tại vị trí trạm bơm nước cấp của Dự án, tọa độ X = 0455915; Y = 1407404.

- Nguồn số 02: Tại vị trí hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án; Tọa độ X = 0455810; Y = 1407210.

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng các hệ thống máy bơm, máy thổi khí... của Dự án, đảm bảo động cơ của thiết bị hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Lắp đặt đế chống ồn riêng cho các máy bơm tại Dự án, không để tiếp xúc trực tiếp với nền bê tông gây phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí nhà trạm bơm khép kín (diện tích 196 m^2 ; kích thước $14\text{m} \times 14\text{m}$) tại vị trí phía Đông Nam khu nhà Giảng đường; thiết kế các bể của hệ thống xử lý nước thải ngầm dưới đất để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Trồng cây xanh tạo hành lang cách ly khu vực trạm bơm, khu vực hệ thống xử lý nước thải với các đối tượng xung quanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	Rắn	24
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	32
3	Dầu thải động cơ, dầu bôi trơn thải	17 02 03	Lỏng	03
4	Chất thải y tế nguy hại phát sinh từ phòng y tế của trường học	13 01 01	Rắn	48
	Tổng			107

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt tại dự án chủ yếu là vỏ đồ hộp, bao bì nhựa, thủy tinh, vỏ trái cây, phần loại bỏ của hoa quả, thực phẩm thừa,... phát sinh từ quá trình ăn uống của học sinh, giáo viên và công nhân viên tại dự án. Khối lượng phát sinh khoảng 6.701,5 kg/ngày.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường khác:

- Bùn thải từ hầm tự hoại phát sinh với khối lượng khoảng 199,02 kg/ngày.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 19,8 kg bùn/ngày.
- Chất thải y tế thông thường phát sinh từ phòng y tế của trường: khoảng 20-30 kg/ngày, bao gồm: bao bì đựng thuốc thông thường, cảm ho, miếng dán hạ sốt đã sử dụng, bông băng, gạc y tế,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom và phân loại theo quy định tại

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Xây dựng kho lưu chứa (diện tích khoảng 50 m²; kích thước 10m x 5m) tại khu vực Tây Nam dự án (tiếp giáp kho chứa chất thải rắn sinh hoạt) để lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại phát sinh; Bên trong có bố trí các thùng chứa riêng biệt (dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại).

- Thiết kế kho lưu chứa: Xây tường bao xung quanh, nền xi măng chống thấm, có mái che, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí các thùng chứa rác (dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực chức năng như Nhà giảng đường, phòng học, hội trường ...; mỗi tầng của các tòa nhà bố trí 3 - 4 thùng chứa rác gồm các vị trí đầu, giữa và cuối hành lang của từng tầng; trong khu vệ sinh sẽ bố trí thùng rác (dung tích khoảng 25 lít, có nắp đậy kín). Bố trí các thùng chứa rác (dung tích khoảng 60 lít, có nắp đậy kín) tại các khu vực đường nội bộ, sân bãi dọc các tuyến đường, sân bãi với khoảng cách khoảng 50m/thùng để thu gom chất thải. Các thùng đều được trang bị túi rác để tiện thu gom về nơi tập kết chất thải tạm thời.

- Chất thải y tế phát sinh tại phòng y tế của trường: được thu gom, phân loại, đựng vào thùng chứa có nắp đậy, có dán nhãn (chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường), sau đó chất thải y tế nguy hại được thu gom, lưu chứa và xử lý như chất thải nguy hại, phần còn lại thu gom, xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

- Xây dựng 01 bể chứa bùn (thể tích 48,6 m³; kích thước 6m x 2,7m x 3m). Bể được xây dựng bằng bê tông, thành bể và đáy bể được chống thấm theo quy định.

- Xây dựng kho lưu chứa (diện tích khoảng 50 m²; kích thước 10m x 5m) tại khu vực giáp đường giao thông phía Tây Nam của Dự án (tiếp giáp khu vực hệ thống xử lý nước thải) để thuận tiện cho xe của công ty môi trường vào thu gom.

- Thiết kế kho lưu chứa: Xây tường bao xung quanh, nền xi măng chống thấm, có mái che, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo theo quy định.

3. Hoạt động xử lý chất thải:

- Đối với chất thải nguy hại: Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định về quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác: Hợp đồng với đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường tại thành phố Buôn Ma Thuột để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố hệ thống xử lý nước thải.

2. Ban quản lý dự án Bộ Giáo dục và đào tạo có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có hạng mục, công trình sản xuất và công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Trong quá trình thi công xây dựng Dự án, chủ dự án phải thực hiện các biện pháp an toàn, che chắn, đảm bảo không phát tán ô nhiễm bụi, khí thải ra ngoài môi trường. Áp dụng các biện pháp đảm bảo không được để đất đá rơi vãi trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu ra vào khu vực thi công xây dựng. Tiếng ồn đảm bảo tuân thủ QCVN 26: 2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn an toàn thực phẩm, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.